

CƠ CHẾ CHIA SẺ LỢI ÍCH TỪ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG TÍN CHỈ CARBON RỪNG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

**Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Việt Anh, Trần Thị Châu Anh,
Trương Văn Quý, Phạm Vũ An Nguyên**

Đại học Kinh tế Quốc dân

TÓM TẮT

Nhằm đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng không vào năm 2050 và các mục tiêu khác liên quan đến bảo tồn rừng và giảm suy thoái rừng, Việt Nam cùng với nhiều quốc gia đang phát triển trong khuôn khổ REDD+, đã tham gia vào thị trường carbon tự nguyện thông qua các giao dịch tín chỉ carbon rừng từ các dự án bảo vệ và chống suy thoái rừng. Một trong những yêu cầu để tham gia vào thị trường carbon và nhận được chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải là phải xây dựng một cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp cho các chủ thể sở hữu lượng giảm phát thải nhà kính. Tuy nhiên, việc thiết kế và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích này tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn vận hành thí điểm và gặp nhiều khó khăn. Bằng cách phân tích dữ liệu sơ cấp từ các quy định của pháp luật Việt Nam và dữ liệu thứ cấp về thực tiễn thực hiện Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) tại 06 tỉnh thành Bắc Trung Bộ, bài viết đã cho thấy thực trạng thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích tại Việt Nam. Đồng thời, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh luật học để nghiên cứu và phân tích kinh nghiệm quốc tế về cơ chế chia sẻ lợi ích, từ đó đưa ra những định hướng nhằm hoàn thiện chính sách về chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ chế chia sẻ lợi ích, tín chỉ carbon rừng, REDD+, ERPA

BENEFIT - SHARING MECHANISM FROM FOREST CARBON CREDIT TRANSFER: INTERNATIONAL EXPERIENCES AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

**Tran Thi Hong Nhung, Vu Viet Anh, Tran Thi Chau Anh,
Truong Van Quy, Pham Vu An Nguyen**

National Economics University

SUMMARY

To achieve the objective of net - zero emissions by 2050 and other targets related to forest conservation and deforestation reduction, Vietnam, alongside numerous developing countries under the REDD+ framework, has engaged in the voluntary carbon market through transactions of forest carbon credits derived from forest protection and anti-deforestation initiatives. A fundamental prerequisite for participation in the carbon market and eligibility for results-based payments for emission reductions is the establishment of an equitable and transparent benefit-sharing mechanism for stakeholders entitled to greenhouse gas (GHG) emission reductions. However, the design and operationalization of this benefit-sharing mechanism in Vietnam remain in a nascent, pilot phase and are fraught with challenges. This study employs a rigorous analytical approach, drawing on primary data from Vietnam's legal and regulatory framework alongside secondary data concerning the implementation of the Emission Reductions Payment Agreement (ERPA) across six provinces in the North Central region. The study critically evaluates the current state of benefit - sharing mechanisms in Vietnam, identifying key challenges and gaps in policy execution. Furthermore, utilizing a comparative legal research methodology, the paper examines the best international practices in benefit-sharing arrangements to extract relevant insights. Based on these findings, the study proposes strategic policy recommendations aimed at enhancing the regulatory and institutional framework governing benefit-sharing from forest carbon credit transactions in Vietnam.

Keywords: Benefit sharing mechanism, forest carbon credits, REDD+, ERPA

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đi cùng với sự giàu có của nền văn minh nhân loại là những tác động ngày một nghiêm trọng của biến đổi khí hậu (BĐKH) tới môi trường và chất lượng cuộc sống. Nguyên nhân chính và chủ yếu của các hiện tượng khí hậu cực đoan trên là bởi sự tăng lên chưa từng có của khí nhà kính (KNK) trong bầu khí quyển. Trước tình hình đó, cho đến nay các quốc gia đã không ngừng hành động chung nhằm đưa ra các giải pháp giảm phát thải KNK mà nổi bật là tín chỉ carbon. Bằng việc gán trách nhiệm bảo vệ môi trường với động lực phát triển kinh tế, tín chỉ carbon được xem là một giải pháp chủ chốt và trở thành công cụ chính sách chính cho nhiều quốc gia để đạt được mục tiêu phát thải chi phí thấp (Rodriguez Lopez *et al.*, 2017). Trong thời gian qua, nhằm thúc đẩy hoạt động của tín chỉ carbon và thực hiện các cam kết quốc tế về BĐKH, hàng loạt các sáng kiến đã được ra đời, cung cấp các cơ chế tài chính, tiêu chuẩn chứng nhận và nền tảng giao dịch vững chắc. Trong đó, cơ chế Giảm phát thải từ nạn phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) nổi bật là sáng kiến dành riêng cho lĩnh vực lâm nghiệp, theo đó cung cấp những sự đền đáp về tài chính để khuyến khích các quốc gia đang phát triển tham gia bảo vệ và chống suy thoái rừng. Các dự án bảo tồn rừng xuất hiện, tạo ra tín chỉ carbon rừng và trở thành hướng đi trọng tâm của nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển có diện tích rừng rộng lớn.

Là một trong các quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ BĐKH nhưng đồng thời cũng sở hữu tỷ lệ che phủ rừng cao (42%) (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024), Việt Nam từ lâu đã xác định được tầm quan trọng của rừng cũng như tiềm năng thực hiện REDD+ và phát triển các dự án giao dịch tín chỉ carbon rừng tại nước ta. Từ năm 2012, phát triển thị trường carbon liên tục được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong các Nghị quyết của Đảng. Đặc biệt, mới đây nhằm thực hiện quan điểm của Đảng, Chính phủ vừa ký Quyết định

232/QĐ/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 phê duyệt Đề án Thành lập và phát triển thị trường carbon tại Việt Nam, khẳng định vai trò quan trọng của thị trường carbon trong ứng phó với BĐKH và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, hàng loạt các chính sách mới được ban hành nổi bật là Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ozon... đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc xây dựng thị trường trao đổi tín chỉ carbon nói chung và tín chỉ carbon rừng nói riêng. Trong đó, để tăng cường khả năng tham gia vào các hoạt động chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng và nhận được chi trả, việc xây dựng một cơ chế chia sẻ lợi ích hiệu quả, công bằng và minh bạch là một trong những điều kiện tiên quyết. Tuy nhiên, trên thực tế, hiện nay cơ chế chia sẻ lợi ích từ việc trao đổi tín chỉ carbon tại Việt Nam vẫn còn đang trong giai đoạn thí điểm và còn gặp nhiều khó khăn, nguồn thu từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ giữa Việt Nam và World Bank (ERPA) vẫn chưa thể được giải ngân hết trên thực tế.

Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu, làm rõ các vấn đề tổng quan về cơ chế chia sẻ lợi ích, các quy định pháp luật và thực tiễn cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam, cũng như tại một số quốc gia. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về cơ chế phân chia lợi ích nhằm thúc đẩy hoạt động giao dịch, mua bán tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam, hướng tới phát triển bền vững.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Bài viết tập trung nghiên cứu cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng và thực tiễn thực hiện cơ chế này từ trước cho tới thời điểm nghiên cứu này được thực hiện. Ngoài ra, bài viết cũng nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới mà trên thực tiễn

đã triển khai cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, những phương pháp nghiên cứu sau đây đã được sử dụng chủ yếu: Phương pháp định tính, phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp, thứ cấp, và phương pháp nghiên cứu so sánh luật học.

Phương pháp định tính có thể được hiểu là một phương pháp được sử dụng nhằm chứng minh luận điểm khoa học mà không sử dụng các công cụ thống kê kinh tế lượng (Nguyễn Văn Thắng, 2014). Trong nghiên cứu này, phương pháp định tính được sử dụng trong một mối quan hệ hữu cơ với các phương pháp còn lại nhằm sáng tỏ những luận điểm nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu.

Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp đã được sử dụng để thu thập các quy định pháp luật Việt

Nam để từ đó làm cơ sở xác định cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng quyền sở hữu lượng giảm phát thải khí kính từ rừng. Các quy định pháp luật có liên quan được thu thập từ nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau như Bộ luật Dân sự 2015, Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành cấp Nghị định ban hành bởi Chính phủ và các Thông tư ban hành bởi các Bộ có thẩm quyền quản lý ngành và lĩnh vực. Danh sách các quy định pháp luật mà nhóm nghiên cứu đã sử dụng được liệt kê tại bảng 1. Đồng thời, *phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp* cũng được sử dụng để nhóm nghiên cứu thu thập thông tin về thực tiễn thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo ERPA tại Việt Nam. Nguồn thông tin được thu thập chủ yếu từ các báo cáo nghiên cứu, trang thông tin điện tử chuyên ngành, báo cáo của các cơ quan Nhà nước và các nguồn khác có liên quan và các tài liệu này đều được liệt kê cụ thể trong phần tài liệu tham khảo.

Bảng 1. Các quy định pháp luật mà nhóm nghiên cứu thu thập phục vụ cho bài nghiên cứu

Năm ban hành	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Quy định liên quan đến cơ chế chia sẻ lợi ích từ hoạt động chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng
2015	Bộ luật Dân sự 2015	Điều 100, Điều 105, Điều 109 và Điều 115
2017	Luật Lâm nghiệp 2017	Điều 2, Điều 7, Điều 8, Điều 61
2017	Quyết định 419/QĐ-TTg	Toàn bộ văn bản
2018	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75
2020	Luật Bảo vệ môi trường 2020	Điều 139
2020	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Điều 3, Điều 8, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19
2022	Nghị định số 107/2022/ NĐ-CP	Toàn bộ văn bản
2022	Quyết định số 232/QĐ/QĐ-TTg ngày 24/01/2025	Toàn bộ văn bản

Phương pháp nghiên cứu so sánh luật học là một phương pháp đặc thù được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu khoa học pháp lý theo trường phái hoàn thiện pháp luật. Phương pháp này có thể tiếp cận theo hướng tham khảo và hài hòa luật pháp quốc gia với thực tiễn quốc tế. Cách tiếp cận này không nhất thiết phải chuyển hóa toàn bộ do đó không cần đảm bảo điều kiện

phù hợp về kinh tế - xã hội như Mark Van Hoecke (2015) và Graziadei (2009) đã nhấn mạnh. Phương pháp được sử dụng để tìm hiểu cách mà các hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau giải quyết cùng một vấn đề pháp lý phát sinh trên thực tiễn đời sống xã hội từ đó đảm bảo pháp luật quốc gia hài hòa với thực tiễn quốc tế (W.J. Kamba, 1974). Điều này giúp

pháp luật Việt Nam không trở nên quá xa lạ với thế giới, từ đó thúc đẩy hợp tác quốc tế. Điều này vô cùng quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực ký kết các thỏa thuận giảm phát thải với các quốc gia và các tổ chức liên chính phủ. Đồng thời, một trong các tiêu chí để tín chỉ carbon rừng được chứng nhận bởi các tổ chức thẩm định độc lập là phải có một cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng và minh bạch. Do đó, pháp luật và chính sách của Brazil và Peru, là hai quốc gia trên thực tiễn đã triển khai thành công rất nhiều dự án trong khuôn khổ REDD+, được nghiên cứu để tìm hiểu cách thức các quốc gia đó thực hiện chia sẻ lợi ích từ các dự án chuyển nhượng tín chỉ carbon trong khuôn khổ chương trình REDD+ mà Việt Nam tham gia.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng

Tầm quan trọng của chia sẻ lợi ích công bằng từ việc sử dụng thương mại tài nguyên thiên nhiên lần đầu tiên được ghi nhận trong luật pháp quốc tế vào năm 1992 thông qua Công ước Đa dạng sinh học - CBD (Nkhata *et al.*, 2012a). Khái niệm về “chia sẻ lợi ích” cũng dần được phát triển và hoàn thiện từ thời điểm đó. Cơ chế chia sẻ lợi ích bao gồm các phương tiện thể chế, các cấu trúc quản trị, và các công cụ được sử dụng để phân bổ tài chính và các lợi ích khác từ các chương trình REDD+ (Luttrell *et al.*, 2013). Hay theo Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC) (2007), cơ chế chia sẻ lợi ích cũng được hiểu là cơ chế được thiết lập và thực hiện thông qua các Chính sách và Biện pháp (PAM) của REDD+. Trong khi ban đầu chia sẻ lợi ích chỉ được hiểu trên phương diện phân chia các lợi ích tài chính, thì cho tới nay khái niệm này ngày càng được mở rộng, bao hàm các yếu tố như nhiệm vụ giải trình và trách nhiệm xã hội.

Hiện nay, chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng đã trở thành một yêu cầu bắt buộc của các cơ chế và tiêu chuẩn carbon quốc

tế như REDD+, Tiêu chuẩn carbon xác minh (Verified Carbon Standard), Tiêu chuẩn Vàng (Gold Standard)... Không chỉ vậy, Ngân hàng thế giới - World Bank và Cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism) trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto cũng yêu cầu các quốc gia khi tham gia vào thị trường carbon quốc tế phải có khung pháp lý về chia sẻ lợi ích từ các giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu lượng giảm phát thải KNK để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và bền vững giữa các chủ sở hữu về quyền sở hữu lượng giảm phát thải KNK. Ngược lại, nếu không có các cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng, các chủ rừng như các hộ gia đình và cộng đồng dân cư sẽ không có nhiều động lực để phối hợp với chính quyền địa phương tham gia bảo vệ và phát triển môi trường rừng.

Trên thế giới đang xem xét và thảo luận ba mô hình chia sẻ lợi ích từ các hoạt động chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng, bao gồm: (1) Hệ thống tài chính quốc gia; (2) Hệ thống tài chính quốc gia kết hợp với sự thực hiện của cấp tỉnh và/hoặc theo dự án; và (3) Thực hiện theo dự án (Loft *et al.*, 2015; Streck, 2020).

Thứ nhất, Hệ thống tài chính quốc gia là phương án mà chính quyền trung ương đại diện cho quốc gia (đại diện bởi một Bộ hoặc một cơ quan Nhà nước cụ thể) cam kết giảm một lượng khí phát thải nhất định. Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ thực hiện các chính sách và biện pháp để các chủ rừng thay đổi hành vi, như tăng diện tích rừng được bảo vệ hay thiết lập các loại thuế mới. Từ đó, tạo ra kết quả giảm phát thải và nhận được chi trả cho những chính sách mà quốc gia đó đã thực hiện (Pesket *et al.*, 2011).

Thứ hai, đối với mô hình thứ hai và ba, các cá nhân, tổ chức được trực tiếp tham gia giao dịch thông qua cơ chế thị trường như cơ chế thị trường thương mại phát thải và các sáng kiến khác cho phép người mua tín chỉ carbon rừng có thể làm việc trực tiếp với chủ sở hữu tín chỉ carbon rừng. Trong trường hợp này, pháp luật

quốc gia cần phải quy định rõ về cơ chế xác định chủ sở hữu tín chỉ carbon rừng bởi họ là những người cần được đảm bảo quyền lâu dài, được hưởng lợi ích khi thực hiện giảm phát thải thành công hoặc chịu trách nhiệm khi không thực hiện đúng cam kết (Chapman *et al.*, 2013; Wieland, 2013). Rõ ràng, để được chia sẻ lợi ích dựa vào kết quả theo cơ chế thị trường, họ cần chứng minh quyền sở hữu với các tín chỉ carbon rừng hoặc quyền được hưởng lợi từ việc thực hiện các hoạt động hấp thụ, lưu giữ carbon rừng và giảm suy thoái rừng. Thực tiễn cho thấy rằng, các hoạt động này cũng cần phải được xác định cụ thể trong luật pháp quốc gia để tránh gây khó khăn trong việc thực hiện chuyển nhượng.

Hiện tại, khung chính sách của Việt Nam đang thực hiện chủ yếu theo mô hình thứ hai và thứ ba. Tại thời điểm hiện tại, Việt Nam đang thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo quy mô quốc gia nhưng được thực hiện và đóng góp bởi chính quyền địa phương kết hợp với các chương trình dự án. Đồng thời, theo Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 17 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ozon và Quyết định số 232/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án Thành lập và Phát triển thị trường carbon tại Việt Nam, Việt Nam sẽ chính thức vận hành sàn giao dịch carbon trong nước, cho phép tín chỉ carbon thu được từ Cơ chế phát triển sạch, Cơ chế tín chỉ chung và Cơ chế theo Điều 6 của Thỏa thuận

Paris được xác nhận giao dịch trên thị trường, theo đó vận hành cơ chế chia sẻ lợi ích theo mô hình dự án và chương trình.

3.2. Thực tiễn thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam hiện nay

3.2.1. Kết quả đạt được từ thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam

Việt Nam chính thức tham gia vào chương trình REDD+ vào năm 2009. Để cụ thể hóa các mục tiêu, cam kết của Việt Nam trong từng giai đoạn cụ thể, ngày 05 tháng 04 năm 2017, Thủ Tướng Chính phủ đã phê duyệt chương trình quốc gia về giảm phát thải KNK thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng carbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 theo Quyết định số 419/QĐ-TTg. Quyết định đã đặt ra mục tiêu cụ thể đối với giai đoạn 2021 - 2030 là phải ổn định diện tích rừng tự nhiên đến 2030 ít nhất bằng diện tích đã đạt được tại năm 2020 và tăng độ che phủ rừng lên 45%, song hành với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật, khung hành động của chương trình và nhân rộng các mô hình có hiệu quả cao về REDD+ và quản lý rừng bền vững, lồng ghép REDD+ vào chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững. Kể từ thời điểm này trở đi, Việt Nam đã tích cực đàm phán và ký kết các thỏa thuận giảm phát thải trong khuôn khổ REDD+, cụ thể tại bảng 2.

Bảng 2. Các dự án giảm phát thải tính tại Việt Nam

Tên dự án	Giai đoạn	Lượng giảm phát thải tiềm năng tại địa bàn thực hiện dự án
Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA) ký với Ngân hàng thế giới	2018 - 2025	25 triệu tấn CO ₂ e (CO ₂ tương đương)
Ý định thư của Tổ chức tăng cường tài chính Lâm nghiệp Emergent	2022 - 2026	11 triệu tấn CO ₂ e
Dự án giảm thiểu khí thải tại Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) chi trả	2022 - 2027	Chưa đánh giá
Dự án chi trả giảm phát thải do JICA chủ trì trình Quỹ GCF	2022 - 2028	48,6 triệu tấn CO ₂ e

(Nguồn: Phạm Thu Thủy *et al.*, 2022)

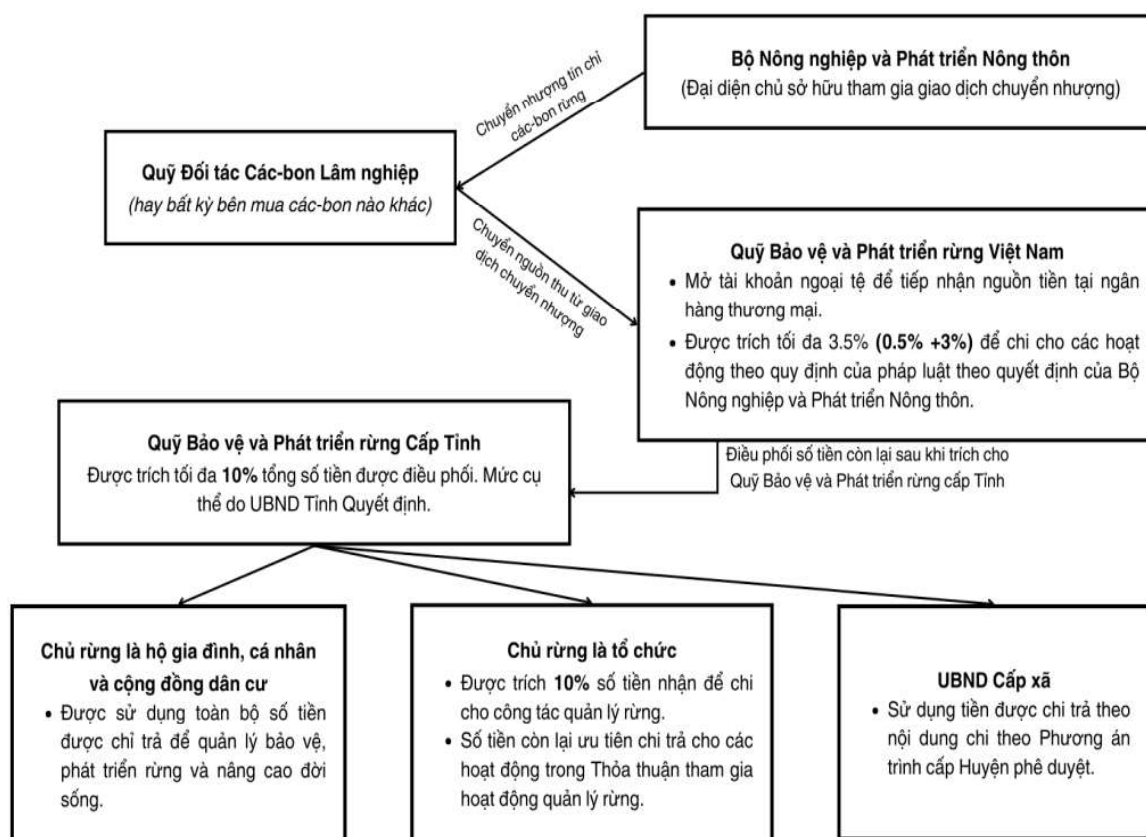
Dù vậy, Việt Nam hiện nay mới chỉ ký kết thành công Thỏa thuận giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) giai đoạn 2018 - 2024 trong khuôn khổ REDD+. Tính đến nay, Việt Nam đã chuyển nhượng 10,3 triệu tấn CO₂e cho World Bank với đơn giá 5 USD/1 tấn CO₂e với tổng giá trị chuyển nhượng lên đến 51,5 triệu USD. Đến nay, World Bank đã hoàn tất việc thanh toán 51,5 triệu USD cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và Quỹ cũng đã hoàn thành việc phân bổ về cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh cho 6 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ để thực hiện chi trả cho các chủ thể được hưởng lợi theo Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định 107/2022/NĐ-CP. Kinh phí phân bổ cụ thể: Nghệ An (282 tỷ đồng), Quảng Bình (235 tỷ đồng), Thanh Hóa (162 tỷ đồng), Hà Tĩnh (122 tỷ đồng), Thừa Thiên Huế (107 tỷ đồng) và Quảng Trị (51 tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện tại, 6 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ đã bắt đầu triển khai giải ngân tiền thu được từ việc bán tín chỉ carbon rừng. Tuy nhiên, cho đến nay, số tiền thu được từ ERPA vẫn chưa được giải ngân hoàn toàn và các tỉnh vẫn gặp khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện ERPA. Cụ thể, tại Thanh Hóa, theo Thống kê của Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Thanh Hóa có hơn 393.000 ha rừng tự nhiên được chi trả từ chương trình ERPA vùng Bắc Trung Bộ. Mặc dù nguồn thu từ chi trả ERPA lên đến 162 tỷ đồng, nhưng mới chỉ giải ngân cho các tổ chức, cá nhân hưởng lợi là 46,5 tỷ đồng (Đình Giang, 2024). Hay tại Hà Tĩnh, UBND Tỉnh mới chỉ ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính đợt 1 với số tiền là 122,9 tỷ, so với 156,6 tỉ đồng nhận được từ ERPA (Sở Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh, 2024), nguyên nhân cụ thể sẽ được phân tích ở phần tiếp theo.

3.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật Việt Nam về cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam hiện nay

Cho đến thời điểm hiện tại, nhằm thực thi các cam kết quốc tế và đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong chia sẻ lợi ích, Việt Nam đã xây dựng được một số quy định ban đầu cho cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng nói riêng và tín chỉ carbon rừng nói chung. Nhìn từ góc độ tổng quát, hệ thống quy định đó được ban hành trong các văn bản như Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ozon... trong đó, Nghị định 107/2022/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh hoạt động chia sẻ lợi ích từ tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam.

Nghị định số 107/2022/NĐ-CP đã được áp dụng nhằm thí điểm thực hiện cơ chế chi trả giảm phát thải KNK, cụ thể, tại 06 tỉnh, thành phố gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nhằm thí điểm cơ chế chia sẻ lợi ích từ các giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu lượng giảm phát thải KNK, được thể hiện tại hình 1. Dù vậy, đây mới chỉ là cơ chế thí điểm tại 6 tỉnh, thành phố thuộc vùng Bắc Trung Bộ trong khuôn khổ ERPA, không phải cơ chế chi trả chung cho tất cả các dự án giảm phát thải trong khuôn khổ REDD+.



Hình 1. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam theo Nghị định số 107/2022/NĐ-CP

Tuy nhiên, thực tế việc thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo Nghị định số 107/2022/NĐ-CP nói riêng và pháp luật về chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng nói chung vẫn còn những bất cập, khiến thực tiễn chia sẻ lợi ích gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Thứ nhất, hiện tại vẫn chưa có quy định cụ thể về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng. Theo Luật Lâm nghiệp 2017, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon rừng là một trong 5 loại dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) được quy định tại Khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp 2017. Khi các chủ thể cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon rừng, họ sẽ được chi trả theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến nay, mặc dù Chính phủ đã quy định chi tiết các loại DVMTR khác nhưng vẫn chưa quy định cụ thể về dịch vụ

hấp thụ và lưu giữ carbon rừng. Cũng chính vì vậy mà chưa có cơ chế rõ ràng trong việc xác định mức đóng góp cụ thể vào nỗ lực giảm phát thải KNK của các chủ rừng, từ đó gây khó khăn cho việc thực hiện chi trả theo ERPA (UBND tỉnh Lào Cai, 2024). Đồng thời, việc thiếu vắng các quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon tạo ra nguy cơ phân phối lợi ích không công bằng, điều này có thể làm suy yếu sự hỗ trợ và tham gia của các chủ rừng như hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp đối với các dự án hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng và các dự án giảm phát thải KNK từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng.

Thứ hai, thực tiễn triển khai chi trả, giải ngân nguồn vốn từ chương trình ERPA tại các tỉnh thành còn gặp nhiều vướng mắc bởi bản thân

Nghị định 107/2022/NĐ-CP có các quy định chưa thực sự phù hợp với thực tiễn. Chẳng hạn, theo quy định tại Điểm C, Khoản 3, Điều 9 của Nghị định quy định: “Căn cứ thông báo số tiền chi trả của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, Chủ rừng là tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính năm theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh...”, một số chủ rừng gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tài chính cụ thể là cơ quan nào, pháp luật về tài chính được nhắc đến cụ thể là Luật nào hay văn bản quy phạm pháp luật nào. Mặt khác, Nghị định đang quy định ERPA sẽ kết thúc trong năm 2025, điều này là không hợp lý khi đối chiếu với thực tiễn, các biện pháp lâm sinh thường kéo dài 6 năm để thực hiện. Đồng thời, tại nhiều tỉnh, thành phố như Thanh Hóa, việc chi trả toàn bộ số tiền còn lại từ Quỹ ERPA trong năm 2025 là không thể. Ngoài ra, đối tượng chi trả hạn hẹp, chưa đảm bảo quyền được chia sẻ lợi ích đối với các chủ thể đáng ra phải được nhận chi trả do họ cũng có sự tham gia vào hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, do vậy, cần phải mở rộng đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng thay vì giới hạn chỉ các cộng đồng như hiện nay.

Thứ ba, tại Điểm c, Khoản 2, Điều 3 Nghị định 107/2022/NĐ-CP quy định: “Chi phí triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc hợp lý, không chồng chéo với các khoản chi khác của ngân sách Nhà nước”. Tuy nhiên, trên thực tiễn, nguồn chi trả ERPA đã không được thực hiện do chồng nguồn chi trả từ DVMTR và các khoản ngân sách Nhà nước khác. Một là, liên quan đến việc chồng nguồn chi trả từ DVMTR, thực tiễn tại Quảng Trị cho thấy, trong số gần 35.000 ha rừng được chi trả ERPA, có gần 4.000 ha rừng (được thực hiện theo phương án

chi trả DVMTR đã được UBND tỉnh phê duyệt) do lực lượng của đơn vị tự bảo vệ không thuộc được chi trả từ nguồn thu của ERPA trong khi đáng nhẽ họ cũng phải được bố trí kinh phí từ ERPA để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ (Đức Nghĩa, 2024). Thực trạng này cũng có thể thấy tại tỉnh Quảng Trị, kinh phí từ ERPA không được chi trả tới cá nhân, hộ gia đình và nhóm hộ gia đình thuộc diện tích DVMTR mà Ban Quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Đakrông đã giao khoán do chi phí triển khai thực hiện ERPA phải bảo đảm nguyên tắc hợp lý, không chồng chéo với các khoản chi khác của ngân sách Nhà nước (Thanh Trúc, 2025). Hai là, liên quan đến việc chồng lẫn với các khoản ngân sách Nhà nước khác, trên thực tiễn tại Thanh Hóa, phần lớn diện tích rừng tự nhiên tại Thanh Hóa được bố trí kinh phí từ các chương trình dự án thuộc ngân sách Nhà nước để giao khoán bảo vệ rừng. Điều này khiến các chủ rừng và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định các nhiệm vụ, hoạt động của chương trình ERPA (Đình Giang, 2024).

Thứ tư, mặc dù định hướng của Việt Nam là xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích theo mô hình dự án và chương trình như đã nêu tại phần 3.1, pháp luật vẫn chưa có quy định rõ ràng về quyền sở hữu đối với tín chỉ carbon rừng. Dựa vào bản chất có thể chuyển nhượng được trong các giao dịch thương mại, có thể khẳng định tín chỉ carbon rừng là một loại tài sản, cụ thể là quyền tài sản bởi theo quy định tại Điều 115 Bộ luật Dân sự 2015, quyền tài sản là: “quyền trị giá được bằng tiền”. Cách tiếp cận này trở nên thuyết phục hơn vì tín chỉ carbon không phải là vật, cũng không phải giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện nay chưa có quy định rõ ràng chủ thể nào sẽ là chủ sở hữu tín chỉ carbon rừng, nếu dựa vào các quy định của Luật Lâm nghiệp 2017 thì vẫn tương đối mơ hồ. Cụ thể, theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Luật Lâm nghiệp 2017, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và

cộng đồng dân cư được sở hữu rừng ngoài Nhà nước: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng...” và theo Khoản 11, Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: “Quyền sử dụng rừng là quyền của chủ rừng được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ rừng” với hoa lợi là: “sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại” và lợi tức: “là khoản lợi thu được từ việc khai thác tài sản”. Tuy nhiên, tín chỉ carbon liệu có phải là hoa lợi hay lợi tức từ rừng thì pháp luật hiện nay chưa có một câu trả lời rõ ràng. Đồng thời, nếu tín chỉ carbon là quyền tài sản, pháp luật vẫn chưa có quy định rõ ràng về cơ sở phát sinh quyền đối với tín chỉ carbon, liệu sẽ thuộc sở hữu Nhà nước hay tư nhân.

3.3. Kinh nghiệm quốc tế về chia sẻ lợi ích từ tín chỉ carbon rừng

3.3.1. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ tín chỉ carbon rừng tại Brazil

Hiện nay, Chiến lược REDD+ quốc gia của Brazil đã ghi nhận phương thức chia sẻ lợi ích là Hệ thống tài chính quốc gia kết hợp với sự tự thực hiện của cấp tỉnh. Theo đó, các Bang tại địa phương sẽ nhận và chia sẻ lợi ích dựa trên đóng góp vào việc giảm phát thải KNK. Việc chia sẻ sẽ dựa trên các tiêu chí riêng của các Bang nhưng phải tuân theo hướng dẫn chung của Cơ quan điều phối REDD+ (Chiến lược REDD+ quốc gia Brazil, phiên bản sơ bộ, 2013).

Một trong những cơ chế chia sẻ lợi ích cấp Bang nổi bật là qua Quỹ Amazon được thành lập vào năm 2008 - cơ chế chi trả dựa vào kết quả giảm phá rừng, với sự giám sát của Ủy ban định hướng (COFA) gồm đại diện Chính phủ, cộng đồng dân cư và khối tư nhân cùng hệ thống giám sát vệ tinh (PRODES). Quỹ Amazon có nhiệm vụ tìm kiếm tài trợ không hoàn lại từ các nước đang phát triển như Na Uy, Đức cho các nỗ lực bảo vệ, giảm thiểu phá rừng, suy thoái rừng và quản lý rừng bền vững tại khu vực Amazon (Ngân hàng Phát triển Brazil, Quỹ

Amazon: Báo cáo hoạt động năm 2013). Tính tới năm 2023, Quỹ Amazon đã giải ngân khoảng 611 triệu USD cho hơn 100 dự án và phân bổ cho nhiều đối tượng thụ hưởng (Quỹ Amazon: Báo cáo Hoạt động năm 2023). Việc xây dựng một Quỹ tập trung nhằm phân bổ lợi ích cho các cấp từ trung ương tới địa phương dựa trên kết quả giảm phá rừng là phù hợp với cơ chế REDD+ quốc tế. Đồng thời với sự tham gia của COFA và sử dụng hệ thống giám sát vệ tinh PRODES, hoạt động chia sẻ lợi ích sẽ được tối đa hóa về tính minh bạch và công bằng, giúp giảm thiểu rủi ro tham nhũng hoặc xung đột lợi ích.

Trong khi đó, căn cứ theo Điều 61 và 62 Luật Lâm nghiệp 2017, Việt Nam hiện nay mặc dù đã có Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng nhưng Quỹ chủ yếu tập trung vào chi trả các loại DVMTR nói chung mà chưa có quỹ tối ưu hóa cho các dự án giảm phát thải KNK từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững REDD+. Như vậy, yêu cầu về việc xây dựng một Quỹ quốc gia chuyên biệt và minh bạch để quản lý nguồn tài chính từ REDD+, tránh chồng chéo nguồn chi đồng thời kết hợp sự tham gia giám sát bởi cơ quan Nhà nước và các bên liên quan và hệ thống giám sát hiện đại là thực sự cần thiết.

3.3.2. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ tín chỉ carbon rừng tại Peru

Peru cũng là một quốc gia áp dụng giải pháp Hệ thống tài chính kế toán quốc gia kết hợp với sự thực hiện của cấp tỉnh và/hoặc theo dự án để chia sẻ lợi ích từ chương trình REDD+ (Wieland, 2013). Lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ sẽ được phân chia từ chính quyền trung ương xuống các bang dựa theo đóng góp của mỗi Bang trong việc giảm nạn phá rừng và suy thoái rừng cũng như duy trì trữ lượng carbon quốc gia. Chính quyền các Bang tại địa phương theo đó sẽ tiếp tục phân bổ lợi ích tới các bên, bao gồm: cộng đồng dân cư, bên tư nhân, bên thuê DVMTR cũng như các cơ quan Nhà nước

đang quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn và các diện tích rừng chưa được phân loại. Như vậy, việc phân phối lợi ích sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc các Bang cấp dưới sẽ chịu trách nhiệm cũng như được hưởng lợi ích từ tín chỉ carbon rừng trong phạm vi khu vực của họ.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo sự tự do, đồng thuận và cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân bản địa, Peru đã ban hành Luật Tham vấn trước vào năm 2011, yêu cầu Chính phủ phải tiến hành tham vấn cộng đồng bản địa trước khi triển khai các dự án REDD+. Các cộng đồng sẽ trực tiếp tham gia vào quá trình quyết định, đàm phán chủ động đối với các lợi ích được phân phối tới họ (Sandra Rodríguez *et al.*, 2022). Qua quá trình tham vấn, một hợp đồng bảo tồn rừng (Conservative Agreement) giữa Chính phủ và cộng đồng được xây dựng, trong đó các quy định liên quan tới nghĩa vụ bảo vệ rừng cũng như quyền được hưởng lợi ích từ tín chỉ carbon rừng của các cộng đồng sẽ được quy định một cách cụ thể (Gutiérrez *et al.*, 2017). Hợp đồng được xem như là một công cụ để chia sẻ lợi ích từ REDD+, đảm bảo người dân địa phương hiểu và đồng ý với các điều khoản, bao gồm tỷ lệ lợi ích, trách nhiệm bảo vệ rừng và cơ sở thanh toán dựa trên kết quả, từ đó tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình bảo vệ rừng.

Tại Việt Nam, Điều 8 Luật Lâm nghiệp 2017 mới chỉ quy định về chủ rừng bao gồm cộng đồng dân cư - cơ sở pháp lý cho hưởng lợi ích từ tín chỉ carbon rừng nhưng chưa có quy định cụ thể về tham vấn bắt buộc và ký kết hợp đồng với đồng bào dân tộc thiểu số. Việc thiếu những yêu cầu về cơ chế tham vấn chính thức này có thể dẫn tới việc nhiều nhóm dân tộc thiểu số mặc dù có tham gia bảo vệ rừng nhưng không nhận được lợi ích và bị loại khỏi REDD+.

3.4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về cơ chế chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng

Trong thời gian tới, nhằm thúc đẩy hoạt động giao dịch tín chỉ carbon rừng trên thị trường

carbon đồng thời đáp ứng được yêu cầu về sự minh bạch trong thực hiện các chương trình, thỏa thuận chuyển quyền phát thải KNK, Nhà nước và các cơ quan bộ, ngành cần sớm xây dựng và hoàn thiện một cơ chế chia sẻ lợi ích từ việc chuyển nhượng tín chỉ carbon nói chung và tín chỉ carbon rừng nói riêng.

Thứ nhất, cần xây dựng một quỹ quốc gia chuyên biệt dành riêng cho chi trả lợi ích từ REDD+ dựa trên kết quả. Nhằm mục đích giải quyết hạn chế do chông chéo nguồn chi trả từ DVMTR và tối ưu hóa cho hoạt động chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng từ REDD+, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ Brazil trong việc thành lập một quỹ riêng giống Quỹ Amazon để quản lý nguồn tài chính. Nhà nước cần quy định và hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ, cơ chế quản lý và sử dụng tài chính của quỹ, xác định rõ nguồn vốn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện phân bổ lợi ích tới các bên liên quan. Khi Việt Nam xây dựng được một Quỹ REDD+ quốc gia kèm theo các quy định rõ ràng về nguồn chi trả tới từng đối tượng hưởng lợi ích cụ thể, lợi ích từ REDD+ có thể được phân bổ tới đúng chủ thể. Từ đó, phù hợp với nguyên tắc triển khai thực hiện chi trả một lần, hợp lý và giải quyết được các vướng mắc liên quan tới chông chéo các nguồn chi khác. Đồng thời, cơ chế chia sẻ lợi ích dựa trên kết quả giảm phát thải sẽ góp phần tạo động lực cho các chủ rừng tham gia vào các dự án bảo vệ và phát triển rừng, tạo ra tín chỉ carbon với nguồn tài chính từ Quỹ được phân bổ dựa trên hiệu quả thực tế.

Thứ hai, Nhà nước cần thành lập một cơ quan giám sát đa bên thực hiện giám sát và phê duyệt phân bổ quỹ quốc gia REDD+. Pháp luật Brazil quy định về COFA với sự tham gia của đại diện từ Chính phủ, khu vực tư nhân và cộng đồng bản địa trong quá trình giám sát hoạt động của Quỹ Amazon. Trong khi đó, ở Việt Nam, quản lý và phân bổ lợi ích REDD+, cụ thể là từ ERPA chủ yếu do cơ quan Nhà nước (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - nay là Bộ Nông

nghiệp và Môi trường, và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam) thực hiện. Do đó, Việt Nam cần một cơ chế giám sát đa bên để đảm bảo tính minh bạch và công bằng, tránh xung đột lợi ích.

Thứ ba, cần bổ sung quy định về cơ chế tham vấn chính thức và ký kết hợp đồng bảo tồn rừng với đồng bào dân tộc thiểu số trước khi triển khai thực hiện các dự án REDD+. Từ Luật Tham vấn trước của Peru, việc các cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào quá trình ra quyết định, đàm phán và ký kết các điều khoản nghĩa vụ và lợi ích được phân phối tới họ sẽ đảm bảo họ nhận thức rõ ràng về nghĩa vụ và lợi ích khi tham gia vào các dự án bảo tồn rừng. Ngoài ra, tại Việt Nam, một trong các lý do khiến cho việc chi trả theo ERPA bị chậm so với tiến độ là tại nhiều địa phương như tại Nghệ An và Quảng Trị, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng gặp khó khăn trong việc xác định chính xác số lượng chủ rừng do các chủ rừng thường là những hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, nằm ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện tiếp cận khó khăn và có số lượng lớn mà việc thống kê chi tiết số lượng đối tượng hưởng lợi là một yêu cầu bắt buộc khi lập kế hoạch tài chính theo Mẫu số 03, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ. Việc tổ chức tuyên truyền, tham vấn chính thức và áp dụng mô hình hợp đồng không chỉ giúp các cán bộ mà cũng thu hút được người dân chủ động tham gia.

Thứ năm, vì Việt Nam cũng đồng thời theo đuổi cơ chế chia sẻ lợi ích theo mô hình dự án và chương trình như đã phân tích ở trên, việc quy định rõ ràng về quyền carbon là vô cùng cần thiết. Theo đó, Nhà nước cần phải có các quy định cụ thể về bản chất quyền tài sản của tín chỉ carbon, cơ chế phát sinh quyền sở hữu, bổ sung các quy định cụ thể về đấu giá, chuyển nhượng, vay mượn tín chỉ carbon như Điều 19 Nghị định 06/2022/NĐ-CP đã nêu.

Thứ sáu, cần quy định cụ thể về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon rừng. Việc chưa có quy định cụ thể như các DVMTR khác khiến cho hoạt động hấp thụ và lưu giữ carbon rừng có thể không được thực hiện một cách chính xác, minh bạch, trong khi đây là một yêu cầu của phần lớn các chứng nhận carbon hiện tại. Đồng thời, các quy định cụ thể về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon rừng giúp bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia quá trình tạo ra tín chỉ carbon rừng, giúp phân bổ lợi ích công bằng và tránh tranh chấp giữa các bên liên quan.

IV. KẾT LUẬN

Với lợi thế sở hữu tỷ lệ che phủ rừng cao, carbon được rừng hấp thụ và lưu giữ với trữ lượng lớn, Việt Nam cần nhanh chóng đẩy mạnh công tác xây dựng một khung pháp lý hoàn chỉnh, thống nhất về các hoạt động giảm phát thải, tạo ra tín chỉ carbon rừng, từ đó tạo tiền đề cho việc tham gia vào các thị trường carbon. Trong đó, việc xây dựng và triển khai một cơ chế chia sẻ lợi ích thống nhất, hiệu quả, và công bằng là một trong những điều kiện quan trọng để Việt Nam nhận được chi trả từ hoạt động chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng. Tuy nhiên, việc thiết kế và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích này tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn vận hành thí điểm và gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là khó khăn đến từ vướng mắc trong khung pháp lý. Bài viết đã phân tích kinh nghiệm về chia sẻ lợi ích từ pháp luật và chính sách của Brazil và Peru - hai quốc gia thành công trong thực hiện các dự án thuộc khuôn khổ REDD+, cụ thể về xây dựng quỹ quốc gia, cơ chế giám sát và tham vấn nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng. Từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện chính sách lâm nghiệp nói chung và cơ chế chia sẻ lợi ích từ tín chỉ carbon rừng nói riêng của Việt Nam. Chỉ khi giải quyết được những vướng mắc còn tồn đọng trong chia sẻ lợi ích từ chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng, Việt Nam mới có thể nhận được chi trả từ REDD+ và đạt được mục tiêu giảm phát thải thông qua giảm suy thoái rừng, mất rừng và bảo tồn rừng bền vững mà các quốc gia đang hướng tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amazon Fund, 2013. “*Amazon Fund: Annual report 2013*”. https://www.fundoamazonia.gov.br/export/sites/default/en/.galleries/documentos/rafa/RAFA_2013_en.pdf
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024. *Quyết định số 816/QĐ-BNN-KL công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2024*. Ban hành ngày 15 tháng 3 năm 2024.
3. Chapman, S.; Wilder, M., 2013. “*Fostering REDD + Investment Through Effective Legal Frameworks: Lessons From the Development of Early Forest Carbon Projects*”, *Carbon Clim. Law Rev.*, 1, 43-68.
4. Chính phủ, 2022. *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP Quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ozon*, ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2022.
5. Chính phủ, 2022. *Nghị định số 107/2022/NĐ-CP về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải KNK vùng Bắc Trung Bộ*, ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2022.
6. Đình Giang, 2024. “*Nguồn sống mới cho rừng (Bài 2): Du địa lớn nhưng còn nhiều khó khăn*”, truy cập lần cuối ngày 05 tháng 3 năm 2025, <https://baothanhhoa.vn/nguon-song-moi-cho-rung-bai-2-du-dia-lon-nhung-con-nhiều-kho-khan-230516.htm>
7. Đức Nghĩa, 2024. “*Lúng túng chi trả nguồn thu từ ERPA*”, truy cập lần cuối này 19 tháng 3 năm 2025, <https://nld.com.vn/lung-tung-chi-tra-nguon-thu-tu-erpa-196240416210816249.htm>
8. Gutiérrez, C., Podvin, K., Sandoval, M., & Schneider, C., 2017. “*Facilitating REDD+ benefit sharing in Peru: Final project report*”, IUCN Regional Office for South America, <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2017.05.en>
9. Loft, L.; Ravikumar, A.; Gebara, M.F.; Pham, T.T.; Resosudarmo, I.A.P.; Assembe-Mvondo, S.; Tovar, J.G.; Mwangi, E.; Andersson, K., 2015. “*Taking stock of carbon rights in REDD+ candidate countries: concept meets reality*”, *Forests* 6: 1031-1060.
10. Peskett, L.; Brodnig, G., 2011. “*Carbon Rights in REDD+: Exploring the Implications for Poor and Vulnerable People*”; The World Bank: Washington, DC, USA.
11. Quốc hội, 2015. *Bộ luật Dân sự*, ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.
12. Quốc hội, 2017. *Luật Lâm nghiệp*, ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2017.
13. Quốc hội, 2020. *Luật Bảo vệ Môi trường*, ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.
14. Rodriguez Lopez, J.M.; Engels, A.; Knoll, L., 2017. “*Understanding carbon trading: effects of delegating CO2 responsibility on organizations’ trading behaviour*”.
15. Sandra Rodríguez, Juan Pablo Sarmiento Barletti, Anne M. Larson, 2022. “*Examining support for the rights of Indigenous Peoples in the context of REDD+ in Peru*”, CIFOR-ICRAF, https://www.cifor-icraf.org/publications/pdf_files/Flyer/REDD-Safeguards-2.pdf
16. Streck, C., 2020. “*Who Owns REDD+? Carbon Markets, Carbon Rights and Entitlements to REDD+ Finance*”, *Forests* 11, no. 9: 959.
17. Bá Tân, 2023. “*Chia sẻ lợi ích từ chi trả giảm phát thải khí nhà kính*”, truy cập lần cuối ngày 05 tháng 3 năm 2025, từ <https://baohatinh.vn/chia-se-loi-ich-tu-chi-tra-giam-phat-thai-khi-nha-kinh-post258420.html>
18. Thanh Thủy, P., 2021. “*Kinh nghiệm của 87 quốc gia trong việc xác định và chuyển nhượng quyền carbon*”, Báo cáo chuyên đề 218, Tổ chức nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), https://www.cifor.org/publications/pdf_files/OccPapers/OP-218.pdf
19. Thanh Trúc, 2025. “*Tháo gỡ vướng mắc trong chi trả kinh phí từ bán tín chỉ các - bon rừng*”, truy cập lần cuối này 19 tháng 3 năm 2025, <https://baoquangtri.vn/thao-go-vuong-mac-trong-chi-tra-kinh-phi-tu-ban-tin-chi-cac-bon-rung-191237.htm>
20. Wieland, P., 2013. “*Building carbon rights infrastructure with REDD+ incentives: A multi-scale analysis in the Peruvian Amazon*”, *Environ. Law Rep.* 43, 10269-10287.

Email tác giả liên hệ: chauanhtran137@gmail.com

Ngày nhận bài: 09/03/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 11/03/2025; 15/03/2025

Ngày duyệt đăng: 23/04/2025